TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HSST.
Ngày: 16-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Ông Lò Văn Quốc
2. Bà Lê Hồng Nhung

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lê Văn Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La*** *tham gia phiên toà*: Ông Lò Văn Thức – kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HS ngày 15-1-2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Đỗ Ngọc D; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1991 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tiểu khu X (Nay là Thôn X), xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ngọc M, sinh năm: 1969 và bà Vũ Thị H, sinh năm: 1971; Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị B (đã ly hôn) và 01 con 05 tuổi; tiền án; tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-12-2019 cho đến ngày 20-01-2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Bùi Thị P; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1965 tại huyện K, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Tiểu khu Y (Nay là Thôn Y), xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 07/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Cao T (đã chết) và bà Bùi Thị Y (đã chết); Bị cáo có chồng: Đỗ Văn M, sinh năm: 1958 và 02 con, lớn nhất 34 tuổi, nhỏ nhất 30 tuổi; tiền án; tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-12-2019 cho đến ngày 20-01-2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Trịnh Văn N; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1994 tại huyện TC, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Tiểu khu X (Nay là Thôn X), xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Thanh N, sinh năm: 1966 và bà Trần Thị N, sinh năm: 1969; Bị cáo có vợ: Đỗ Mai V, sinh năm: 1998 và 02 con, lớn nhất 04 tuổi, nhỏ nhất 02 tuổi; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 25-04-2019 bị Tòa án nhân dân huyện TC xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội Đánh bạc (Chưa được xóa án tích); tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-12-2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo Nguyễn Văn T; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1986 tại huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tiểu khu X(Nay là Thôn X), xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1957 và bà Lê Thị T (đã chết); Bị cáo vợ: Lò Thị Th, sinh năm: 1990 và 02 con, lớn nhất 10 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi; tiền án; tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-12-2019 cho đến ngày 03-01-2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo Quàng Văn H; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1988 tại huyện TC, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản CM, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn N (đã chết) và bà Lò Thị D, sinh năm: 1966; Bị cáo có vợ: Lò Thị H, sinh năm: 1989 và 02 con, lớn nhất 11 tuổi, nhỏ nhất 03 tuổi; tiền án; tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-12-2019 cho đến ngày 03-01-2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**** Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn H***: ông Tòng Văn Minh – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25-12-2019, Đỗ Ngọc D (*sinh năm: 1991*), Nguyễn Văn T (*sinh năm: 1986*) và Trịnh Văn N (*sinh năm: 1994*), đều trú tại xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La ăn sáng tại khu vực Ngã ba xã TL. Ăn sáng xong, D rủ T, N đánh bạc, rồi D gọi điện thoại cho Bùi Thị P (*sinh năm: 1965*), trú tại: Tiểu khu X, xã TL, huyện TC hỏi đang ở đâu, P trả lời là đang ở Nghĩa trang Tiểu khu X, xã TL (*sửa sang, xây mộ cho người thân*). Tiếp đó, Đỗ Ngọc D cùng T, N đến gặp và rủ P đánh bạc. Lúc đó, có Quàng Văn H (*sinh năm: 1988*) và Phạm Thanh B (*sinh năm: 1987*) đều trú tại: xã TL đến nghĩa trang để thắp hương cho người thân. Thấy 04 người đang chuẩn bị đánh bạc nên H tham gia cùng, còn B đi thắp hương cho người thân. Khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày, D, N, T, P, H cùng đánh bạc trên 01 chiếc chiếu, màu vàng có sẵn ở gần ngôi mộ của "*Vũ Thị Hồng sinh*

năm: 1982" với hình thức chơi ba cây, tính cộng điểm thắng thua bằng tiền (*thang điểm 10*). D lấy 01 bộ tú lơ khơ có sẵn trên chiếu (*của nhân công xây mộ để phục vụ việc nghỉ ngơi, giải lao*), rồi chia cho mỗi người 03 quân bài. Mức tỷ lệ cá cược là 50.000 đồng hoặc 100.000 đồng/1 người/1 ván, tùy thuộc vào sự thỏa thuận chung, không cá cược riêng; tính tổng 03 quân bài ai cao điểm nhất sẽ được lấy tiền của những người thua còn lại (*trường hợp ván bài có số điểm bằng nhau thì căn cứ vào thứ tự chất: Rô, cơ, tép, pích*). Đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, Tổ công tác Công an huyện TC đến yêu cầu kiểm tra, phát hiện và thu giữ cùng tang vật. Sau đó, Tổ công tác đã áp giải D, P, N, T, H, đồng thời yêu cầu B về Trụ sở UBND xã TL, huyện TC chứng kiến việc lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang. Vật chứng thu giữ gồm: Tiền NHNN Việt Nam là 6.750.000 đồng, 36 quân bài tú lơ khơ (*từ A đến 9*) và 01 chiếc chiếu, màu vàng, loại chiếu đôi đã cũ.

Quá trình điều tra, xác định tổng số tiền: 6.750.000 đồng thu giữ của các bị can: Đỗ Ngọc D, Bùi Thị P, Trịnh Văn N, Nguyễn Văn T, Quàng Văn H dùng vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

- Trước khi đánh bạc, D mang theo số tiền 1.100.000 đồng, quá trình đánh bạc thắng 200.000 đồng, khi bị bắt quả tang bị thu giữ 1.300.000 đồng trong túi quần phía sau bên phải của D.

- Trước khi đánh bạc, P mang theo 3.000.000 đồng; quá trình đánh bạc thua 200.000 đồng, khi bị bắt quả tang bị thu giữ 2.800.000 đồng thu giữ trong túi quần phía trước bên phải của P.

- Trước khi đánh bạc, N mang theo 600.000 đồng, quá trình đánh bạc thắng 1.400.000 đồng, khi bị bắt quả tang bị thu giữ 2.000.000 đồng (*trong đó: 1.900.000 đồng trong túi áo khoác phía trước bên trái và 100.000 đồng trong túi quần phía trước bên phải của N*).

- Trước khi đánh bạc, T vay của D số tiền 2.000.000 đồng, trong đó: T sử dụng 450.000 đồng để mua hàng hóa cho gia đình. Còn lại số tiền: 1.550.000 đồng T dùng vào việc đánh bạc, quá trình đánh bạc thua 950.000 đồng. Khi bị bắt quả tang bị thu giữ 600.000 đồng trong túi quần phía trước bên phải của T.

- Trước khi đánh bạc, H mang theo 500.000 đồng, quá trình đánh bạc thua 450.000 đồng, khi bị bắt quả tang bị thu giữ 50.000 đồng trong túi quần phía sau bên phải của H.

Mở rộng điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện TC đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp số: 273 ngày 25/12/2019 đối với: Nhà ở của Bùi Thị P tại Tiểu khu X, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La. Kết quả: Tạm giữ 01 tờ lịch treo tường, đã bị nhàu có ghi các cặp số tự nhiên, kích thước: 35 x 25 cm do Đỗ Văn M (*chồng P*) tự nguyện giao nộp.

Ngày 26/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện TC ra Quyết định trưng cầu giám định số: 334/QĐTC đề nghị Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) - Công an tỉnh Sơn La tiến hành giám định đối với tổng số tiền: 6.750.000 đồng thu giữ của các bị can: Đỗ Ngọc D, Bùi Thị P, Trịnh Văn N, Nguyễn Văn T, Quàng Văn H. Tại Kết luận giám định số: 159 ngày 03/1/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công

an tỉnh Sơn La kết luận: Toàn bộ số tiền VNĐ: 6.750.000 đồng gửi giám định đều là "*Tiền thật*". (*Hoàn lại toàn bộ số tiền gửi giám định*).

Tại phiên tòa, lời khai, lời trình bày ý kiến của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án như: biên bản hỏi cung bị can; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản xác minh, biên bản thu giữ, niêm phong, mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định, kết luận giám định.

Bản cáo trạng số: 17/CT-VKS ngày 17-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Trịnh Văn N; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H về tội Đánh bạc. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Trịnh Văn N; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H phạm tội: Đánh bạc.

Áp dung khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc D mức án từ 15 (mười lăm) tháng đến 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị P mức án từ 15 (mười lăm) tháng đến 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn H mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

* Giao các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H cho UBND xã TL, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo D, P, T, H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã TL giám sát, giáo dục các bị cáo.

* Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Nguyễn Văn T và Quàng Văn H.

Áp dung khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn N mức án từ 07 đến 09 tháng tù.

Áp dụng Điều 56; khoản 5 Điều 65 bị cáo Trịnh Văn N phải chấp hành hình phạt của bản án số: 44/2019/HSST, ngày 25-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu với mức án 06 (sáu) tháng tù. Buộc bị cáo phải Trịnh Văn N chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 13 (mười ba) đến 15 (mười lăm) tháng tù. Khấu trừ đi thời hạn tạm giữ của bản án trước đó là 03 (ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 25-12-2019 (là ngày bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: một bộ tú lơ khơ gồm: 36 quân bài từ A đến 9, đã qua sử dụng cũ và 01 (một) chiếc chiếu màu vàng, loại chiếu đôi, đã qua sử dụng.

- Sung công quỹ nhà nước: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 6.750.000 đồng (ba mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Trịnh Văn N; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo 200.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015: Báo cho các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Trịnh Văn N; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Tại phiên tòa các bị cáo có ý kiến: Thừa nhận ngày 25-12-2019, bị cáo D, P, N, T, H có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi ba cây, sát phạt nhau bằng tiền mặt tại Nghĩa trang thuộc Tiểu khu X, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La nhằm mục đích kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 6.750.000 đồng. Hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào Tội đánh bạc, quy định tại Khoản 1 - Điều 321 BLHS năm 2015. Nay các bị cáo đã biết tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

Tại phiên tòa Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn H có ý kiến: Nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo H với mức án nhẹ nhất cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo H nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Trịnh Văn N; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H: Nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử bị cáo về tội Đánh bạc. Nay các bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm, các bị cáo rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị

cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo, các bị cáo xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TC, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Hiệp không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Trịnh Văn N; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H là vi phạm pháp luật bởi: các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi ban cây; sát phạt được thua bằng tiền mặt tại Nghĩa trang thuộc Tiểu khu X, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La, với mục đích tư lợi cá nhân, bị pháp luật nghiêm cấm. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội đánh bạc, tôi danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 321 BLHS quy định:

"*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đ hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

"*3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*".

[3] Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bởi nó đã xâm phạm đến trật tự công cộng, tài sản của công dân mà trực tiếp là xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội. Cần vận dụng khoản 1 điều 321 BLHS để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Trịnh Văn N; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H.

[4] Xét vị trí vai trò của các đồng phạm thấy: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, tổ chức bởi các bị cáo đều cùng rủ rê nhau và cùng thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần vận dụng Điều 58 BLHS để cá thể hóa mức hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Xét nhân thân, các bị cáo Đỗ Ngọc D, Bùi Thị P, Nguyễn Văn T, Quàng Văn H là người chưa có tiền án, tiền sự. Đối với bị cáo Trịnh Văn N tuy chưa có tiền sự nhưng có 01 tiền án ngày 25-4-2019 bị Tòa án nhân dân huyện TC xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội Đánh bạc bị cáo đã không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và biết rõ việc đánh bạc là hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội đặc biệt là nếp sống văn minh, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy cần lên một mức án mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo Đỗ Ngọc D, Bùi Thị P, Nguyễn Văn T, Quàng Văn H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trong đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Đối với bị cáo Trịnh Văn N có 01 tiền án ngày 25-4-2019 bị Tòa án nhân dân huyện TC xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội Đánh bạc (Chưa được xóa án tích), đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo.

[8] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng như đơn yêu cầu được hưởng mức án cải tạo không giam giữ của bị cáo D, P, T, H có xác nhận của chính quyền địa phương cũng như đơn bảo lãnh của gia đình các bị cáo thấy: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc; đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên; có nơi cư trú rõ ràng, ổn định để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù giam bởi các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án mức án cải tạo không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; không cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội, cho bị cáo cơ hội cải tạo ngoài cộng đồng cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung, đồng thời cũng thể hiện chính sách pháp luật nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, thể hiện đường lối xét xử nghiêm trị kết hợp giáo dục cải tạo nên áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử đối với bị cáo D, P, T, H.

[9] Đối với bị cáo Trịnh Văn N đang trong thời gian thử thách của án treo, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội mới. Nên HĐXX buộc bị cáo Ninh phải chấp hành hình phạt của bản án số: 04/2019/HSST; ngày 25-4-2019

trước đấy của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu và tổng hợp hình phạt của bản án của bản án mới theo quy định tại Điều 56 và khoản 5 Điều 65 BLHS.

[10] Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS, xét thấy các bị cáo không có tài sản, không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử miễn phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị Phường; Nguyễn Văn T và Quàng Văn H.

[11] Về vật chứng: Đối với một bộ tú lơ khơ gồm: 36 quân bài từ A đến 9, đã qua sử dụng cũ và 01 (một) chiếc chiếu màu vàng, loại chiếu đôi, đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và hết giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy; Đối với tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm trăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước theo Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[12] Đối với Phạm Thanh B là người đến thắp hương cho người thân ở nghĩa trang Tiểu khu 2, xã TL, huyện TC và có được thấy xem việc đánh bạc. Quá trình điều tra, xác định Bình không được tham gia đánh bạc, canh gác, cảnh giới, thu tiền hồ, tiền phế và hưởng lợi ích vật chất khác, phù hợp với lời khai của các bị cáo. Do vậy, không có căn cứ yêu cầu cơ quan điều tra xử lý đối với Phạm Thanh B.

[13] Đối với 01 chiếc điện thoại di động, hiệu SAM SUNG, số loại GALAXY J4, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen (*tạm giữ của Đỗ Ngọc D*) và 01 chiếc điện thoai di động, hiệu NOKIA, vỏ nhựa và bàn phím màu đen (*tạm giữ của Bùi Thị P*). Quá trình điều tra, xác định 02 chiếc trên thuộc quyền sở hữu của Duy và Phượng nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ đúng pháp luật.

[14] Đối với 01 tờ lịch treo tường, bị nhàu có ghi các cặp số tự nhiên, kích thước: 35 x 25 cm do Đỗ Văn M tự nguyện giao nộp trong quá trình Cơ quan CSĐT Công an huyện TC thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp tại nhà ở của bị can Bùi Thị P. Qúa trình điều tra, xác định tờ lịch trên không liên quan đến việc đánh bạc trái phép (*ghi, mua số lô, số đề*), phù hợp với lời khai của M là để ghi, kê khai thanh toán tiền vật liệu xây dựng, sửa sang lại khu phần mộ của gia đình. Do vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Đỗ Văn M là có căn cứ đúng pháp luật.

[15] Bị cáo Trịnh Văn N đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ bị cáo trong hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[16] Về án phí: Các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Trịnh Văn N; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại các Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Trịnh Văn N; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H phạm tội: Đánh bạc.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc D 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 27 (Hai mươi bảy) ngày, quy đổi thành 02 (hai) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 27 (hai mươi bảy) tháng 09 (chín) ngày, tính từ ngày UBND xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị P 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 27 (Hai mươi bảy) ngày, quy đổi thành 02 (hai) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 27 (hai mươi bảy) tháng 09 (chín) ngày, tính từ ngày UBND xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ 09 (chín) ngày, quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày, tính từ ngày UBND xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ 09 (chín) ngày, quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày, tính từ ngày UBND xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

* Giao các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H cho UBND xã TL, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không

giam giữ. Gia đình các bị cáo D, P, T, H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã TL giám sát, giáo dục các bị cáo.

* Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Nguyễn Văn T và Quàng Văn H.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn N mức án 07 (bảy) tháng tù.

Căn cứ Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015: bị cáo Trịnh Văn N phải chấp hành hình phạt của bản án số: 44/2019/HSST, ngày 25-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu với mức án 06 (sáu) tháng tù. Buộc bị cáo Trịnh Văn N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là: 13 (mười ba) tháng tù, được khấu trừ đi thời hạn tạm giữ của bản án trước đó là 03 (ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 25-12-2019 (là ngày bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo).

Bị cáo Trịnh Văn N đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ bị cáo trong hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

2.Về vật chứng:

Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: một bộ tú lơ khơ gồm: 36 quân bài từ A đến 9, đã qua sử dụng cũ và 01 (một) chiếc chiếu màu vàng, loại chiếu đôi, đã qua sử dụng.

- Sung công quỹ nhà nước: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 6.750.000 đồng (ba mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) được niêm phong trong một phong bì thư của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La được dán giấy niêm phong Công an tỉnh Sơn La có số 037404, đè lên các mép dán niêm phong trên giấy niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và hai dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Trịnh Văn N; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo 200.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015:

Báo cho các bị cáo Đỗ Ngọc D; Bùi Thị P; Trịnh Văn N; Nguyễn Văn T; Quàng Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La ;
- CA huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Các bị cáo;
- UBND xã TL ;
- Người bào chữa ;
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Chiến